

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/02/2021
V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phương Minh Thành
2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Chí Thiện, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2020/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Diễm K, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Ấp G, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ hiện nay: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Huỳnh C, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Khóm E, phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (Vắng mặt không lý do)

Con chung của chị K và anh C có: Nguyễn Thị Kiều Y, sinh ngày 29/03/2008.

Địa chỉ: Ấp Gi, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Địa chỉ hiện nay: Ấp S, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14 tháng 7 năm 2020, trong quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị Diễm K trình bày:

Vào năm 2007 chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Huỳnh C và có đăng ký kết hôn vào ngày 06/5/2009 tại Ủy ban nhân dân phường G, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống có 01 con chung tên Nguyễn Thị Kiều Y, sinh ngày 29/03/2008 hiện đang sống chung với chị.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau ngày cưới vợ chồng chung sống cũng hạnh phúc nhưng được một khoảng thời gian thì anh C thay đổi tính tình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cự cãi nhiều lần và cứ mâu thuẫn ngày càng nhiều dẫn đến vợ chồng không thể nào chung sống được nữa. Vì vậy mà chị và anh C đã sống ly thân nhau từ hơn 10 năm nay.

Nay chị K yêu cầu giải quyết:

- Về hôn nhân: Xin được ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh C.
- Về con chung: Nguyễn Thị Kiều Y, sinh ngày 29/03/2008 hiện đang sống chung với chị K và chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phan Thị Diễm K đã cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ như sau: 01 giấy đăng ký kết hôn số 57, quyển số I, ngày 06/05/2009 (bản chính); 01 giấy khai sinh của Nguyễn Thị Kiều Y (bản sao có chứng thực); 01 sổ hộ khẩu (bản sao có chứng thực); 01 giấy chứng minh nhân dân (bản sao có chứng thực).

Đối với bị đơn anh Nguyễn Huỳnh C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ cho anh Nguyễn Huỳnh C nhưng anh C không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai anh C được, anh C cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn theo thông báo mà Tòa án đã tổng đạt nên không thể xác định những tình tiết nào của vụ án các bên thống nhất và không thống nhất. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền

hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Vì đề nghị: Về hôn nhân: Cho chị Phan Thị Diễm K ly hôn với anh Nguyễn Huỳnh C. Về con chung: Chị Phan Thị Diễm K được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Kiều Y, sinh ngày 29/03/2008. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị K không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Phan Thị Diễm K có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án vắng mặt chị. Riêng bị đơn anh Nguyễn Huỳnh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] *Về hôn nhân*: Chị Phan Thị Diễm K và anh Nguyễn Huỳnh C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có Giấy chứng nhận kết hôn của cơ quan có thẩm quyền cấp nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị K là có cơ sở, vì hiện tại chị K và anh C đã sống ly thân nhau. Phía Tòa án đã hai lần gửi thông báo hòa giải đến anh Nguyễn Huỳnh C để có sự tác động hàn gắn tình cảm cho chị K và anh C nhưng anh Nguyễn Huỳnh C không có sự hợp tác. Cả chị K, anh C không ai có thiện chí cải thiện hàn gắn tình cảm vợ chồng của anh chị và thực hiện quyền và nghĩa vụ lẫn nhau nên xét điều kiện để Phan Thị Diễm K và anh Nguyễn Huỳnh C đoàn tụ là không có.

Từ những phân tích trên thấy giữa chị Phan Thị Diễm K và anh Nguyễn Huỳnh C tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phan Thị Diễm K.

[3] *Về con chung*: Con chung tên Nguyễn Thị Kiều Y, sinh ngày 29/03/2008 có nguyện vọng sống với mẹ nên giao con chung tên Nguyễn Thị Kiều Y, sinh ngày 29/03/2008 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với

nguyện vọng được sống chung với mẹ của cháu Y, do chị K không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa không đặt ra giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Do Tòa án không làm việc được với anh C nên không xác định được vợ chồng chị K, anh C có tài sản chung, nợ chung gì không. Trường hợp anh C có tranh chấp với chị K về tài sản chung, nợ chung thì anh C có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác sau khi ly hôn.

[5] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay là có căn cứ theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Phan Thị Diễm K với anh Nguyễn Huỳnh C.

2. *Về nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Thị Kiều Y, sinh ngày 29/03/2008 cho chị Phan Thị Diễm K trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Huỳnh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phan Thị Diễm K không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Phan Thị Diễm K khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu anh C có tranh chấp với chị K về tài sản chung, nợ chung thì anh C có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác sau khi ly hôn.

4. *Về án phí:* Chị Phan Thị Diễm K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000955 ngày 02 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh.

5. *Án sơ thẩm xét xử công khai, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai hợp pháp.*

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND thành phố Trà Vinh;
- Chi cục THADS thành phố Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND phường 7;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Thị Kiều Trang

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phương Minh Thành - Thạch Thị Mỹ Kim

Lâm Thị Kiều Trang